TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lập;

2. Ông Phạm Văn Phùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị B** , sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn tranh chấp ly hôn của chị Huỳnh Thị B ngày 28/5/2018 thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn, việc chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, hay gây gổ dẫn đến rạn nứt hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành A, sinh ngày 13/9/2002; hiện nay cháu A đang sống với anh Đ. Chị B tự nguyện giao cháu A cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không thiếu nợ ai.

Trong quá trình làm việc anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thừa nhận chị Huỳnh Thị B trình bày về ngày tháng chung sống, việc chung sống không có đăng ký kết hôn; con chung sinh được 01 con tên Nguyễn Thành A, sinh ngày 13/9/2002, hiện nay cháu A đang sống với anh là đúng, anh không trình bày gì thêm. Nay anh yêu cầu Tòa án giải

quyết theo quy định pháp luật; về con chung, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Không để xảy ra vi phạm.

+ Chị Huỳnh Thị B là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B, anh Đ.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận chị Huỳnh Thị B đồng ý để anh Nguyễn Văn Đ trự tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 13/9/2002; anh Đ không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B, anh Đ trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị B là nguyên đơn; Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án, do chị B, anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B, anh Đ.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị B, anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1, Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Huỳnh Thị B có yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thành A, sinh ngày 13/9/2002, chị B đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp pháp luật, nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị B, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

[6] Về nợ chung: Chị B, anh Đ trình bày không thiếu nợ ai.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 09, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa: Chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung*: Ghi nhận chị Huỳnh Thị B đồng ý để anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Thành A, sinh ngày 13/9/2002. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị B B cấp dưỡng nuôi con.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị B, anh Đ trình bày không có.

5. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Huỳnh Thị B đã nộp tại biên lai thu số 0025583 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Án xử công khai, báo cho chị Huỳnh Thị B, anh Nguyễn Văn Đ biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Th;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Minh Tuấn